

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Giang Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Chương - thư ký Tòa án nhân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:171/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐSXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐ-ST ngày 13/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* anh **Phạm Anh D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

3. *Người làm chứng:* chị **Phạm Thị Thu H2**, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

( chị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D và chị H2 vắng mặt )

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H1 trình bày: chị và D tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã M, huyện V vào ngày 31/12/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã M, huyện V, năm 2019 anh D đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về cách sống và quản lý kinh tế, thêm vào đó do xa cách về địa lý nên hai bên không thể tìm được tiếng nói chung. Tháng 8/2024 anh D nghỉ phép về Việt Nam đã nhất trí ly hôn, song do thời gian ngắn chưa kịp xong thủ tục thì anh D tiếp tục đi lao động. Chị xác định không còn tình cảm, chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: chị và anh D có hai con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 02/11/2008 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/6/2011, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị làm lao động tự do thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Hai con Phạm Anh T và Phạm Quỳnh A có nguyện vọng được ở với chị H1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng anh D không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Người làm chứng chị Phạm Thị Thu H2 là chị gái của anh Phạm Anh D trình bày: chị là người đứng ra bảo lãnh cho anh D đi lao động tại Đài Loan từ năm 2022, nên anh D thường xuyên liên lạc với chị.

Chị H1 và anh D sau khi kết hôn chung sống đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, năm 2024 hai bên đã thống nhất ly hôn song do thời gian anh D nghỉ phép ngắn nên không kịp làm thủ tục. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, chị đã thông báo lại nội dung cho anh D biết, anh D nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của chị H1.

Công văn số 1035/PA08 ngày 04/12/2024 của Phòng Q- Công an tỉnh T cung cấp: anh Phạm Anh D xuất cảnh lần cuối qua SBQT Nội Bài ngày 01/9/2024 bằng hộ chiếu số Q00584479. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại UBND xã M, huyện V về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H1 và chị H2 trình bày. Từ đầu năm 2024 chị H1 không ở cùng bố mẹ anh D mà thuê nhà ra ở riêng, khi anh D về nghỉ phép không ở cùng mẹ con chị H1 mà ở nhà bố mẹ đẻ. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H1 được ly hôn anh D; về con chung giao hai con chung Phạm Anh T và Phạm Quỳnh A cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H1 về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Phạm Thị H1 khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Anh D hiện đang cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Phạm Thị H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Phạm Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị H1 và anh D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, hai bên không còn tình cảm, quan tâm đến nhau nên đã thống nhất ly hôn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H1 được ly hôn anh D.

[5] Về quan hệ con chung: anh D hiện đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, giao hai con chung Phạm Anh T và Phạm Quỳnh A cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của hai con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H1 về việc không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị H1 khai không có, Tòa án không ghi được ý kiến của anh D vì vậy không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về **quan hệ hôn nhân**: xử cho chị Phạm Thị H1 được ly hôn anh Phạm Anh D.
2. Về **quan hệ con chung**: giao hai con chung Phạm Anh T, sinh ngày 02/11/2008 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/6/2011 cho chị Phạm Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H1 về việc không yêu cầu anh Phạm Anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị

H1 và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. **Về tài sản và nợ chung:** không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí:** chị Phạm Thị H1 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000386 ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị H1 đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, chị Phạm Thị H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Phạm Anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Quang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Thị Minh Huệ*